

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-ST

Ngày 25-4-2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Oanh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Lâm Giang

Ông Trần Văn Thiện

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Xuân Trường - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:** Ông Vi Văn Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 424/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 04/3/2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 45/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1990 (có đơn xin vắng mặt)

Nơi thường trú: Số nhà A, khu B, phường P, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

2. *Bị đơn:* anh Hoàng Mạnh T, sinh năm 1992 (có đơn xin vắng mặt)

Nơi thường trú: thôn C, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang

Hiện đang chấp hành án tại: Đ, P, Trại giam T2, Cục C, Bộ C1.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Chị và anh Hoàng Mạnh T kết hôn với nhau ngày 28/11/2018 tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân, không bị ai ép buộc. Vợ chồng có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Cưới xong chị về nhà anh T làm dâu ngay, vợ chồng sống chung với mẹ chồng được khoảng gần 1 năm. Sau đó do mâu thuẫn vợ chồng nên chị cùng con xuống Hà Nội làm việc và sinh sống. Từ khi chị xuống Hà Nội làm việc và sinh sống thì anh T không xuống đón chị về để đoàn tụ, không gọi điện hỏi thăm chị. Anh T chỉ gọi điện để hỏi thăm con chung, hai vợ chồng không nói

chuyện với nhau. Việc mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên ngăn, hòa giải nhưng không có kết quả. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị M đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Quang Đ, sinh ngày 16/4/2019, hiện nay con chung đang ở cùng chị. Khi ly hôn chị M muốn được nuôi con chung là Hoàng Quang Đ. Chị M không yêu cầu anh T phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa chị M vắng mặt.

\* Tại bản tự khai bị đơn anh Hoàng Mạnh T trình bày: anh kết hôn với chị Nguyễn Thị M năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T. Việc kết hôn giữa anh và chị M là tự nguyện, không bị ép buộc. Từ khoảng tháng 5 năm 2022 anh phạm tội và bị bắt thì vợ chồng không còn chung quan điểm, mục đích sống. Đến nay chị M xin ly hôn, do con còn nhỏ nên anh đề nghị xem xét đến khi anh chấp hành án xong thì sẽ giải quyết ly hôn sau.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Hoàng Quang Đ, sinh ngày 16/4/2019.

Về tài sản chung: anh không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa, anh T vắng mặt.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo theo quy định.

Đối với những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Trần Mạnh T1.

Về con chung: giao cho chị Nguyễn Thị M nuôi con chung là Hoàng Quang Đ, sinh ngày 16/4/2019.

Về án phí: chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Hoàng Mạnh T có nơi cư trú tại thôn C, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên đã thụ lý giải vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con là đúng quan hệ pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị M, anh Hoàng Mạnh T vắng mặt nhưng đã có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị M, anh T là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh T đăng ký kết hôn ngày 28/11/2018 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân, không bị ai ép buộc nên là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được khoảng 1 năm hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn nên chị M đã xuống Hà Nội làm ăn sinh sống khoảng từ năm 2020 cho đến nay. Tòa án đã xác minh với chính quyền địa phương và được biết chị M bỏ đi từ năm 2020 cho đến nay không thấy về địa phương sinh sống. Từ đó, vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy tình nghĩa vợ chồng giữa chị M và anh T đã không thực hiện đầy đủ theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình là phải yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình và sống chung với nhau; quan hệ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, cần xử cho chị M được ly hôn anh T là phù hợp.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Quang Đ, sinh ngày 16/4/2019, hiện nay con chung đang ở cùng chị M. Khi ly hôn chị M muốn được nuôi con chung là cháu Hoàng Quang Đ. Hội đồng xét xử thấy: chị M và anh T có 01 con chung chưa thành niên, hiện con chung đang ở với chị M, chị M có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Đ. Hiện nay, anh T đang đi cải tạo tại Trại giam T2 – Bộ C1 nên không thể chăm sóc cháu Đ được. Chị M hiện làm công nhân có thu nhập 15.000.000 đồng đến 16.000.000 đồng đủ khả năng và điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung nên cần giao cho chị M nuôi dưỡng cháu Đ là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: do chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: chị M, anh T không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81, khoản 1, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Hoàng Mạnh T.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị M nuôi con chung là Hoàng Quang Đ, sinh ngày 16/4/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003323 ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Nguyễn Thị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- CCTHADS huyện Tân Yên;
- UBND xã Ngọc Châu;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Đoàn Thị Oanh**